

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-PT.
Ngày: 16 - 4 - 2025.
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Phạm Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Phùng Bích Tuyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 95/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 09/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng Q, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2005;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Anh Trần Hoàng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Trần Hoàng Q trình bày: Anh và chị D quen biết từ năm 2023, sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2024 nhưng không có đăng ký kết hôn. C sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian vợ chồng đi làm chung tại Cần Thơ, anh có làm thêm tăng ca nhưng không liên hệ được nên chị D giận và sau đó về nhà mẹ ruột của chị D ở, anh có qua rước về nhưng không được và không chung sống với nhau từ tháng 7/2024 cho đến nay. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Nguyễn Thị Hồng D là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Lúc cưới gia đình anh có cho 01 cây vàng 24K và 01 cây vàng 18K, sau khi về sống chung anh có sử dụng riêng 04 chỉ vàng 24K, cả hai vợ chồng có bán 02 chỉ vàng 24K để đổi thành sợi dây chuyền 03 chỉ 18K, do đó số vàng còn lại là 13 chỉ 18K (sợi dây chuyền 03 chỉ, 01 bộ vòng 10 chỉ) và 04 chỉ 24k (tám lắc), anh yêu cầu được chia hai theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Q về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Mâu thuẫn là do lúc mới cưới về anh Q không lo làm ăn mà chỉ ăn chơi dẫn đến nợ nần và tự ý bán 04 chỉ vàng cưới để trả nợ, sau đó cả hai có đi làm trên Cần Thơ, anh Q cho rằng vì tăng ca không liên hệ được với chị và chị giận anh Q là không đúng, chị có nói anh Q là nếu tăng ca chị sẽ đợi để về cùng nhưng anh Q lại ghen tuông vô cớ và hăm dọa gây ảnh hưởng đến tính mạng của chị, sau đó anh Q còn đuổi chị ra khỏi nhà nên chị mới về nhà mẹ ruột ở. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên cũng thống nhất theo yêu cầu của anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung: Lúc cưới gia đình anh Q có cho 10 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K, sau khi cưới anh Q đã tự bán sử dụng hết 04 chỉ vàng 24K, sau đó cả hai vợ chồng có bán 02 chỉ vàng 24K để mua lại sợi dây chuyền 18K khoảng 03 chỉ, do sống bên chồng nhưng anh Q không lo làm ăn, gia đình chồng cũng không quan tâm nên trong thời gian đó chị đã bán 04 chỉ vàng 24K còn lại để chi tiêu cho cuộc sống. Hiện tại chị chỉ còn giữ 01 bộ vòng 10 chỉ 18K và 01 sợi dây chuyền khoảng 03 chỉ 18K, số vàng này là gia đình anh Q cho riêng chị khi cưới nên chị không thống nhất chia theo yêu cầu của anh Q.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 95/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Hoàng Q và chị Nguyễn Thị Hồng D là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Công nhận số vàng 03 chỉ loại 18K là tài sản chung của anh Trần Hoàng Q và chị Nguyễn Thị Hồng D. Anh Q và chị D mỗi người được chia tài sản chung là 1,5 chỉ vàng loại 18K. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng D phải giao lại cho anh Q số vàng 1,5 chỉ loại 18K mà chị đang quản lý.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2024, anh Trần Hoàng Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết những việc sau đây:

- Yêu cầu chia đôi số vàng cưới 04 chỉ vàng loại vàng 24K và 13 chỉ vàng loại vàng 18K, theo đó anh Q yêu cầu được nhận số vàng là 02 chỉ vàng loại 24K và 6,5 chỉ vàng loại 18K.

- Yêu cầu triệu tập ông Trần Văn B, bà Phạm Thị Á, ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; triệu tập ông Nguyễn Văn T1 với tư cách là người làm chứng, để vụ việc được giải quyết chính xác và khách quan hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Hoàng Q, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2024 anh Trần Hoàng Q kháng cáo bản án là còn trong hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp phúc thẩm thụ lý và xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của anh Trần Hoàng Q:

Sau khi xét xử sơ thẩm anh Q thống nhất về quan hệ hôn nhân, về con chung và nợ chung, chỉ kháng cáo yêu cầu chia đôi số tài sản chung còn lại do chị Nguyễn Thị Hồng D đang quản lý bao gồm: 04 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 18K (do đổi 02 chỉ vàng 24K), 01 bộ vòng ximen 12 chiếc có trọng lượng là 10 chỉ vàng 18K. Thấy rằng anh Q khởi kiện cung cấp hoá đơn mua vàng cưới gồm:

- 01 lắc bản, loại vàng 23K trọng lượng 04 chỉ;
- 01 đôi bông, loại vàng 23K trọng lượng 01 chỉ;
- 01 dây BM, loại vàng 23K trọng lượng 03 chỉ;
- 01 kiềng cổ d, loại vàng 23K trọng lượng 02 chỉ;

Tổng cộng là 10 chỉ (01 lượng) vàng 23K.

- 12 vòng Dior, loại vàng 15k trọng lượng 10 chỉ.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của hai bên đương sự xác định bộ V 12 chiếc là loại vàng 18K có trọng lượng 10 chỉ tặng trước ngày lễ cưới nhà gái là tài sản tặng cho riêng chị D nên không xem xét phân chia. Đối với 10 chỉ vàng 24K tặng vào ngày lễ cưới bên nhà gái là tài sản chung nên xem xét việc phân chia, sau khi trừ 04 chỉ vàng 24K anh Q bán trả nợ riêng và đổi 02 chỉ vàng 24K thành 03 chỉ vàng 18K cùng 04 chỉ vàng 24K chị D đã bán. Số vàng còn lại chị D đang quản lý là 03 chỉ vàng 18K để chia cho chị D được 1,5 chỉ, anh Q được 1,5 chỉ. Buộc chị D có trách nhiệm giao lại cho anh Q 1,5 chỉ vàng 18K mà chị D đang quản lý là không có cơ sở, là chưa xem xét toàn bộ vụ án.

[3]. Tại phiên toà phúc thẩm, anh Q thừa nhận ngày mừng 08/02/2024 âm lịch anh Q có mang qua cho chị D 12 chiếc vòng Dior, loại vàng 15K trọng lượng 10 chỉ. Ngày 09/02/2024 âm lịch lễ cưới phía bên gia đình chị D thì gia đình anh Q có công khai trước hai họ tặng cho 12 chiếc vòng Dior, loại vàng 15K trọng lượng 10 chỉ, 01 lắc bản loại vàng 23K trọng lượng 04 chỉ, 01 đôi bông loại vàng 23K trọng lượng 01 chỉ, 01 dây BM loại vàng 23K trọng lượng 03 chỉ, 01 kiềng cổ d loại vàng 23K trọng lượng 02 chỉ. Như vậy, tổng cộng số vàng tặng cho chung anh Q và chị D là 20 chỉ. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh Q và chị D không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đã được cha, mẹ, ông, bà hai bên chứng kiến, công nhận và chúc mừng cho anh Q và chị D, nên có căn cứ xác định tổng số vàng cho là tài sản chung của anh Q, chị D và được chia theo quy định pháp luật.

[4]. Đối với 10 chỉ vàng cưới loại 23K: Anh Q và chị D đều xác định đã bán 02 chỉ để mua lại 01 sợi dây chuyền 03 chỉ loại vàng 15K, còn lại 08 chỉ vàng 23K và 12 chiếc vòng Dior loại vàng 15K trọng lượng 10 chỉ. Số vàng

được chia: Anh Q được quyền sở hữu 04 chỉ vàng 23K và 6,5 chỉ vàng 15K; Chị D được quyền sở hữu 04 chỉ vàng 23K và 6,5 chỉ vàng 15K (chị D đang quản lý). Chị D có trách nhiệm giao lại cho anh Q 6,5 chỉ vàng 15K.

Từ những căn cứ như phân tích trên, thấy rằng nội dung kháng cáo của anh Trần Hoàng Q là có cơ sở, nên được chấp nhận một phần. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí chia tài sản chung các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vàng 23K có giá là 7.500.000 đồng/chỉ; vàng 15K có giá là 5.200.000 đồng/chỉ).

[6]. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Hoàng Q không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được Tòa án chấp nhận.

[7]. Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoàng Q.

Sửa bản án sơ thẩm số 95/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Hoàng Q và chị Nguyễn Thị Hồng D là vợ chồng.

2. Về con chung: Khai không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Công nhận số vàng 10 chỉ loại vàng 23K và 01 bộ vòng ximen 10 chỉ loại vàng 15K là tài sản chung của anh Trần Hoàng Q và chị Nguyễn Thị Hồng D.

Anh Trần Hoàng Q được chia tài sản chung là 04 chỉ vàng 23K (anh Q đã bán) và 6,5 chỉ vàng 15K. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng D phải giao lại cho anh Trần Hoàng Q 6,5 chỉ vàng loại 15K mà chị D đang quản lý.

Chị Nguyễn Thị Hồng D được chia và sở hữu 04 chỉ vàng 23K và 6,5 chỉ vàng 15K trong số vàng chị D đang quản lý.

4. Về nợ chung: Khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc anh Trần Hoàng Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004765 lập ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Về án phí chia tài sản:

Buộc anh Trần Hoàng Q phải chịu 3.190.000 (ba triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng, được khấu trừ 1.375.000 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu số 0004766 lập ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Trần Hoàng Q còn phải nộp thêm 1.815.000 (một triệu tám trăm mười lăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 3.190.000 (ba triệu một trăm chín mươi nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

7. Về án phí phúc thẩm:

Anh Trần Hoàng Q không phải chịu. Anh Trần Hoàng Q được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004920 lập ngày 02/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 16/4/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Luông

